

Bộ điều khiển truyền động servo
CMMT-AS-...-3A-...
Số bộ phận: 5111184

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kiểu gắn	Tấm gắn, được gắn bằng vít
Vị trí lắp đặt	đổi lưu tự do đọc
trọng lượng sản phẩm	1300 g...1400 g
Hiển thị	LED xanh lá / vàng / đỏ
Các yếu tố vận hành	Tùy chọn: đơn vị điều khiển CDSB
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 61800-3 EN 61800-5-1 EN 61800-5-2 EN ISO 13849-1
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 50581 EN 60204-1 EN 61508-1 EN 61508-2 EN 61508-3 EN 61508-4 EN 61508-5 EN 61508-6 EN 61508-7 EN 61800-2 EN 62061
Giấy phép	Dấu RCM TÜV c UL us - Listed (OL)
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo Chỉ thị máy móc của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Nhiệt độ bảo quản	-25 °C...55 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	Trên nhiệt độ môi trường xung quanh là 40 °C, phải giảm công suất 3% mỗi °C.
Độ ẩm tương đối	5 - 90 % không cô đặc
Độ cao tối đa	2000 m
Lưu ý về chiều cao lắp đặt tối đa	Từ 1000 m giảm công suất thêm 1%/100 m.
Mức độ bảo vệ	IP20
Danh mục quá áp	III

Đặc tính	Giá trị
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Các pha điện áp vận hành định mức	1 pha
Điện áp hoạt động danh định AC	230 V
Dao động điện áp cho phép	-20 % / +15 %
Điện áp mạch trung gian DC tối đa	395 V
Hiệu suất xung điện trở phanh	1.6 kW
Điện áp định mức nguồn cấp logic DC	24 V
Phạm vi điện áp logic cho phép	± 20 %
Mức tiêu thụ dòng điện nguồn cấp logic không có phanh khóa	0.5 A
Dòng điện danh nghĩa trên mỗi pha, hiệu quả	2 A...4 A
Dòng điện đỉnh trên mỗi pha, rms	6 A...12 A
Thời lượng dòng điện đỉnh tối đa	2 s
Công suất danh nghĩa bộ điều khiển	350 W...700 W
Những màn trình diễn đứng top	1000 W...2000 W
Chế độ vận hành	điều chỉnh hướng hiện trường Độ phân giải vị trí 24 Bit/U Tốc độ quét 16kHz PWM với 8 hoặc 16 KHz Điều biến véc tơ với sóng hài bậc 3 Thu thập dữ liệu thời gian thực 2x Input-Capture (x, v, F) Kích hoạt đầu ra 2x (x, v, F) Đầu vào bộ mã hóa vị trí 2x 1x giao diện SYNC để mô phỏng bộ mã hóa hoặc đầu vào bộ mã hóa
Giao diện Ethernet, chức năng	Tham số hóa và vận hành
Giao diện Ethernet, giao thức	TCP/IP
Giao diện fieldbus, giao thức	EtherCAT EtherNet/IP Modbus/TCP PROFINET IRT PROFINET RT
Giao diện Fieldbus, loại kết nối	2x ổ cắm
Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối	RJ45
Giao diện bộ mã hóa, chức năng	Bộ mã hóa ENDAT 2.1 Bộ mã hóa ENDAT 2.2 Bộ mã hóa hiperface Encoder tương đối Nikon Bộ mã hóa SIN/COS
Giao diện bộ mã hóa 2, chức năng	Bộ mã hóa số gia Bộ mã hóa SIN/COS
Giao diện đồng bộ, chức năng	Mô phỏng bộ mã hóa A/B/Z Đầu vào bộ mã hóa A/B/Z
Số lượng đầu vào logic kỹ thuật số	12
chuyển đổi đầu vào logic	PNP (chuyển mạch dương)
Số lượng đầu vào logic tốc độ cao	2
Độ phân giải thời gian đầu vào logic tốc độ cao	1 μs
Số lượng đầu ra chuyển mạch tốc độ cao	2
Thời gian chuyển mạch tốc độ cao của ngõ ra	1 μs
Số lượng đầu ra chuyển mạch không có tiềm năng	1
Dòng điện tối đa của các đầu ra chuyển mạch không điện thế	50 mA
Số lượng đầu vào giá trị định mức tương tự	1
Đặc tính đầu vào giá trị định mức	Đầu vào chênh lệch có thể cấu hình cho tốc độ có thể cấu hình cho dòng điện/lực
Vùng làm việc đầu vào giá trị định mức	± 10 V
Trở kháng đầu vào giá trị mục tiêu	70 kOhm
Số lượng đầu vào 2 chân an toàn	2

Đặc tính	Giá trị
Số đầu ra chẩn đoán	2